

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2017/HNGĐ - ST.**

Ngày: 31 - 10 - 2017.

“V/v : Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Bùi Thị Luyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vương Thị T, sinh năm 1960; Trú tại: Thôn 3 – Xã M - Tánh Linh - Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn 3 – Xã M - Tánh Linh - Bình Thuận (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – Bà Vương Thị T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Bà T cho rằng, do ông K có mối quan hệ với người khác nên thường xuyên bỏ nhà đi, không có thời gian chăm lo cho gia đình. Bà T và ông K thường xuyên cãi vã nhau. Bà T đã nhiều lần vận động, khuyên răn ông K thay đổi để vợ chồng chung

sống lại với nhau. Từ năm 2015 cho đến nay ông K đã sống với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân. Do bà T không còn tình cảm với ông K và cuộc sống với chồng không có hạnh phúc nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà T và ông K có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà T không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, bị đơn – Ông Nguyễn Văn K trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1990, ông Nguyễn Văn K và bà Vương Thị T tự nguyện chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà T và ông K chung sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng tháng 02/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Do ông K đi làm bảo vệ ở tỉnh Bình Dương, phải ở lại gần nơi làm việc; công việc bận rộn và ít được nghỉ phép nên ông K không thể về nhà thường xuyên; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và không còn tin tưởng lẫn nhau. Bà T nghi ngờ ông K ngoại tình nên thường ghen tuông vô cớ. Mặc dù ông K đã nhiều lần giải thích và khuyên bảo nhưng bà T vẫn không thay đổi. Hiện nay, ông K vẫn còn tình cảm và mong muốn tiếp tục chung sống với bà T. Tuy nhiên, nếu bà T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên ông K sẽ đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông K sinh được 02 người con tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân, ông K và bà T thống nhất như sau: Ông K và bà T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Ông K, bà T đều thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Ông K, bà T có hai người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991 và Nguyễn Tấn T, sinh năm 1994. Các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không ai có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

- Bà T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 1998, còn ông K cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 02/2016. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông K không chấp nhận mà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên tình cảm vợ chồng không còn được như trước kia. Cho nên, các bên không còn tin tưởng lẫn nhau.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 20015.

- Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1991; Nguyễn Tấn T, sinh năm 1994 đều đã thành niên, có khả năng lao

động và đã lập gia đình riêng nên bà T, ông K không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về án phí: Bà Vương Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật trong vụ án:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Vương Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn; không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, tài sản chung và nợ chung. Ngoài ra, các đương sự đều không có yêu cầu nào khác. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” là phù hợp.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Văn K đã làm đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi xem xét đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990. Các bên không đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Ông K và bà T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 1998 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do các bên không còn sự tin tưởng nên ông K, bà T thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng thay đổi để có thể tiếp tục chung sống lại với nhau; thế nhưng, cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Từ năm 2015 cho đến nay, do ông K thường xuyên đi làm ăn xa, không có thời gian quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông K, bà T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận không còn tình cảm gì với ông K và không mong muốn quay về chung sống lại với ông K nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết ly hôn.

Xét thấy: Bà T và ông K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, khi bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định mà cần mở phiên tòa xét xử để không công nhận bà T và ông K là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ - QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[4]. *Về con chung:* Bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn K có hai người con tên Nguyễn Thị Thanh Tiên, sinh năm 1991 và Nguyễn Tấn Tài, sinh năm 1994. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động. Ông K và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc bà Vương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tuyên bố không công nhận bà Vương Thị T và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng.

- *Về án phí*: Buộc bà Vương Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số N.0012129, ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà Vương Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/10/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CC Thi hành án DS;
- UBND xã Xã M;
- Lưu Hs, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến